



**GIANT**  
Heavy Machinery Service

2025 CHAU-SHI SERIES  
肇喜登峰巡迴賽



2025 肇喜登峰巡迴賽 - 佳運公開賽  
2025 CHAU-SHI SERIES - GIANT OPEN  
第二回合編組表

Starting Times for Round 2

地點：東華菁英高爾夫俱樂部 Dong Hua Elite Golf Club 上午場 Morning Session

2025 年 9 月 11 日 (星期四) Sep.11,2025

梯台 Tee 1 OUT Course						
組別 Group	時間 Time	英文姓名 English name	中文姓名 Chinese name	國籍 Country	R1 Score	+/-
1	6:30	Ta-yu Lin	林大鎬	TWN	75	3
		Lai Chia-i	賴嘉一	TWN	71	-1
		Chang Yu-chien	張佑健	TWN	81	9
2	6:40	Cho Tsung-ling	卓宗霖	TWN	71	-1
		Chen Shou-cheng	陳守成	TWN	74	2
		Lin Chen-chu	林宸駒	TWN	73	1
3	6:50	Liu Yu-jui	劉又睿	TWN	71	-1
		Wang Hsi-an	王璽安	TWN	72	E
		Lee Shang Jung	李尚融	TWN	76	4
4	7:00	Shen Wei-cheng	沈威成	TWN	68	-4
		Lin Yuan Wei	林遠惟	TWN	71	-1
		Chen Wei-hao	陳漳濤	TWN	70	-2
5	7:10	Lin Chie-hsiang	林吉祥	TWN	76	4
		Hsu Chih-kai	許智凱	TWN	75	3
		Lu Hsuan-wei (a)	呂軒緯a	TWN	85	13
6	7:20	Tsai Chin-yang	蔡勁暘	TWN	74	2
		Lee Shih-hung	李士鴻	TWN	70	-2
		Kung Te-shu	孔德恕	TWN	78	6
7	7:30	Wen Cheng Hsiang	溫楨祥	TWN	70	-2
		Hsu Yu-cheng	許育誠	TWN	72	E
		Hew Yan Siang (a)	邱延祥a	MAS	72	E
8	7:40	Chuan-wei Fang	方傳歲	TWN	72	E
		Tom Lee	李 瞳	TWN	76	4
		Kuo Chieh-lun (a)	郭杰倫a	TWN	72	E
9	7:50	Xin Wen	溫 新	TWN	80	8
		Lee Chao-hua	李昭樺	TWN	74	2
		Yohei Shinno	神農 洋平	JPN	75	3
10	8:00	Kento Sakurai	櫻井 建都	JPN	89	17
		Hanson Cheng	鄭賀升	TWN	74	2
		Chen Tzu-ting	程之廷	TWN	87	15

梯台 Tee 10 IN Course						
組別 Group	時間 Time	英文姓名 English name	中文姓名 Chinese name	國籍 Country	R1 Score	+/-
11	6:35	Lin Keng-wei	林耕緯	TWN	70	-2
		Lin Yi-Yuan	林義淵	TWN	70	-2
		Huang Hsiang-hao	黃祥豪	TWN	71	-1
12	6:45	Hsieh Chi-hsien	謝繼賢	TWN	79	7
		Kao Teng	高 藤	TWN	79	7
		Tsai Kai-jen	蔡凱任	TWN	68	-4
13	6:55	Hsieh Ting-Wei	謝霆葳	TWN	75	3
		Jui-shen Lee	李睿紳	TWN	76	4
		Tsai Tsung-yu	蔡宗佑	TWN	71	-1
14	7:05	Yeh Yu-chen	葉昱辰	TWN	72	E
		Shapiyate Mako	沙比亞特·馬克	TWN	66	-6
		Chen Yi-tong	陳裔東	TWN	76	4
15	7:15	Huang Chi	黃 頌	TWN	70	-2
		K.P. Lin	林冠伯	TWN	70	-2
		Lu Sun-yi	呂孫儀	TWN	70	-2
16	7:25	Hung Chien-yao	洪健堯	TWN	69	-3
		Lin Yung-lung	林永龍	TWN	72	E
		Yasuo Sawasaki	澤崎 安雄	JPN	70	-2
17	7:35	Lu Wei-chih	呂偉智	TWN	66	-6
		Liu Yen-hung	劉嚴鴻	TWN	70	-2
		Yang Hsiao-che	楊孝哲	TWN	68	-4
18	7:45	Yuto Soeda	副田 裕斗	JPN	73	1
		Yeh Chia-yin	葉佳胤	TWN	74	2
		Yu-chia Chiu	邱昱嘉	TWN	81	9
19	7:55	Hung Chao-hsin	洪朝鑫	TWN	67	-5
		Jerry Yang	楊斐皓	TWN	79	7
		Wang Yu-cheng	王于誠	TWN	83	11
20	8:05	Nobuaki Oda	織田 信亮	JPN	73	1
		Wei-sheng Chen	陳威勝	TWN	71	-1
		Kevin Chen	陳乃嘉	TWN	93	21



**GIANT**  
Heavy Machinery Service

2025 CHAU-SHI SERIES  
肇喜登峰巡迴賽



2025 肇喜登峰巡迴賽 - 佳運公開賽  
2025 CHAU-SHI SERIES - GIANT OPEN  
第二回合編組表

Starting Times for Round 2

地點：東華菁英高爾夫俱樂部 Dong Hua Elite Golf Club 下午場 Afternoon Session

2025 年 9 月 11 日 (星期四) Sep.11,2025

梯台 Tee 1 OUT Course						
組別 Group	時間 Time	英文姓名 English name	中文姓名 Chinese name	國籍 Country	R1 Score	+/-
21	11:05	Ke-yi Chen	陳科壹	TWN	76	4
		Simon Kuo	郭時雨	TWN	76	4
		Jie Yang	楊傑	TWN	80	8
22	11:15	Hsiao He-yu	蕭和宇	TWN	71	-1
		Shori Ishizuka	石塚 祥利	JPN	70	-2
		Chen Yu-chen	陳宥蓁	TWN	77	5
23	11:25	Ko-yen Chang Chien	張簡克諺	TWN	73	1
		Chan Chia-han	詹佳翰	TWN	70	-2
		Lee Chin-chou	李謹州	TWN	73	1
24	11:35	Lo Cheng-yuan	羅政元	TWN	74	2
		Chen Yu-yu	陳佑宇	TWN	72	E
		Chen Yen-yu	陳彥宇	TWN	76	4
25	11:45	Chen Chieh-sheng	陳傑生	TWN	72	E
		Lien Lu-sen	連驥森	TWN	74	2
		Wang Sheng-hui	王勝暉	TWN	74	2
26	11:55	Ryunosuke Watanabe	渡辺 龍ノ介	JPN	74	2
		Tse Sen Liu	劉澤森	TWN	73	1
		Worrasorn Suwanpanang	沃拉松蘇萬帕南	THA	81	9
27	12:05	Hsieh Min-hsuan	謝旻軒	TWN	74	2
		Taiyu Ogino	小木野 太優	JPN	71	-1
		Hui-hung Chen	陳暉泓	TWN	69	-3
28	12:15	Kosuke Yokokawa	橫川 康祐	JPN	74	2
		Fang Yin Jen	方胤人	TWN	76	4
		Chin-hung He	何勁宏	TWN	71	-1
29	12:25	Tseng Tzu-hao	曾子豪	TWN	66	-6
		Chen Shi-en	陳喜恩	TWN	80	8
		Chang Wei Lin	張維霖	TWN	72	E

梯台 Tee 10 IN Course						
組別 Group	時間 Time	英文姓名 English name	中文姓名 Chinese name	國籍 Country	R1 Score	+/-
30	11:00	Tsai Chuan-chieh	蔡顯至	TWN	78	6
		Yang Hao	楊豪	TWN	72	E
		Akinori Morii	森井 晶紀	JPN	82	10
31	11:10	Tseng Fu-tung	曾豐棟	TWN	75	3
		Towa Sakai	堺 永遠	JPN	74	2
		Huang Shish- yu (a)	黃士瑜a	TWN	89	17
32	11:20	Chiang Ian	江以安	TWN	70	-2
		Eugene Wang	王中欣	TWN	77	5
		Anson Pan	潘繹凱	TWN	77	5
33	11:30	Tung-hung Hsieh	謝東宏	TWN	74	2
		Yu-Cheng Chang	張宇誠	TWN	77	5
		Kei Ikeuchi	池内 慧	JPN	75	3
34	11:40	Yao-wei Wu	巫耀微	TWN	78	6
		Yu Chia-wei	游家瑋	TWN	76	4
		Shih Chun Yu	施俊宇	TWN	75	3
35	11:50	Wang Li-wei	王力偉	TWN	72	E
		Bond Chan	陳偉邦	AUS	78	6
		Nari Gamma	岩間 成	JPN	74	2
36	12:00	Daiki Tsurumi	轟見 大樹	JPN	78	6
		Lin Ming-yeh	林明業	TWN	79	7
		Tony Lee	李政遠	TWN	72	E
37	12:10	Sota Nakamura	中村 聡泰	JPN	75	3
		Chen Ting-yu	陳霆宇	TWN	69	-3
		Chiu Han-Ting	邱瀚霆	TWN	74	2
38	12:20	Shota Fukuhara	福原 翔太	JPN	72	E
		Sho Nagasawa	永澤 翔	JPN	75	3
		Huang Chih Yi	黃至翊	TWN	73	1
39	12:30	Lin Wei	林 緯	TWN	70	-2
		Ho Hao-ching	何昊青	TWN	74	2
		Lee Tung-chao	李東晁	TWN	85	13